

22

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 12 năm 2025

DTNQ TRÌNH THÔNG QUA
NGÀY 16/12/2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua danh mục các dự án, công trình thu hồi đất (đợt 07) và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (đợt 08) năm 2025 trên địa bàn tỉnh; điều chỉnh diện tích dự án, diện tích thu hồi đất đối với một số dự án, công trình đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH KHÓA XIV - KỲ HỌP THỨ 34

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét các tờ trình: Tờ trình số 4535/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025, Tờ trình số 4552/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025, Tờ trình số 4594/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 và Tờ trình số 4772/TTr-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại các văn bản: Văn bản số 4762/UBND-XDMT ngày 11 tháng 12 năm 2025, Văn bản số 4775/UBND-TC ngày 11 tháng 12 năm 2025 và Văn bản số 4816/UBND-TC ngày 14 tháng 12 năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 313/BC-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025, Báo cáo thẩm tra số 322/BC-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục các dự án, công trình thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (đợt 07) và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (đợt 08) năm 2025 trên địa bàn tỉnh, gồm:

1. Danh mục 14 dự án, công trình thu hồi đất, với tổng diện tích đất cần thu hồi là 983,81 ha (*Biểu số 01 kèm theo*).

2. Danh mục 04 dự án, công trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác với tổng diện tích 721,09 ha rừng trồng, gồm: 1,32 ha quy hoạch phòng hộ; 714,93 ha quy hoạch sản xuất và 4,84ha ngoài quy hoạch ba loại rừng (*Biểu số 02 kèm theo*).

Điều 2. Điều chỉnh diện tích dự án, diện tích thu hồi đất đối với 02 dự án, công trình đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục dự án, công trình thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng tại Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 và Nghị quyết 267/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2025 (*Biểu số 03 kèm theo*).

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết, đồng thời:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành và cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Hội đồng nhân dân tỉnh về tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của các hồ sơ, tài liệu pháp lý được phê duyệt, xác nhận, giải quyết theo thẩm quyền; kết quả thẩm định về đối tượng, tiêu chí, căn cứ, số liệu, thông tin đảm bảo thống nhất, chính xác giữa hồ sơ và thực địa đối với các dự án, công trình; báo cáo tiếp thu, giải trình khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Chỉ quyết định thu hồi đất và quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác sau khi đã đảm bảo đầy đủ các thủ tục, điều kiện theo quy định của Luật Đất đai, Luật Lâm nghiệp, Luật Đầu tư và quy định pháp luật khác có liên quan (về chỉ tiêu sử dụng đất; tiến độ thực hiện dự án; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ có liên quan; xử lý các vi phạm trên đất khi chưa được giao đất, cho thuê đất (nếu có)...).

c) Chủ động rà soát đối với các dự án, công trình có điều chỉnh ranh giới, thay đổi diện tích dự án, cơ cấu đất, rừng thu hồi và chuyển mục đích sử dụng để thực hiện các thủ tục trình điều chỉnh, bổ sung; đồng thời tính toán đầy đủ các nghĩa vụ của chủ đầu tư phải thực hiện theo quy định đối với phần diện tích điều chỉnh. Cập nhật quy hoạch các dự án, công trình với quy hoạch các lớp đảm bảo đồng bộ, thống nhất theo các quy định của pháp luật quy hoạch.

d) Thường xuyên thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các dự án, công trình, đảm bảo các trình tự, thủ tục theo đúng quy định, mục tiêu sử dụng đất, rừng tiết

kiệm, hiệu quả, không làm thất thoát tài sản, ngân sách nhà nước; kiên quyết xử lý, đề xuất hủy bỏ hoặc thu hồi chủ trương các dự án, công trình chậm tiến độ, vi phạm pháp luật gây lãng phí các nguồn lực đất đai, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, người dân.

đ) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ Hội đồng nhân dân tỉnh hàng năm (tại kỳ họp thường lệ cuối năm) về kết quả triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực, các ban, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV, Kỳ họp thứ 34 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ7.

CHỦ TỊCH

Trịnh Thị Minh Thanh

BIỂU 01: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH ĐỢT 7 NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HDND ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, đặc khu)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Ghi chú
					Đất trồng lúa LUA	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng	
	Tổng số: 14 công trình, dự án		2545,08	983,81	33,33	0,00	0,00	686,27	18,95	245,27	
I	Phường Yên Tử: 01 công trình, dự án		142,68	54,08				38,46	10,60	5,02	
1	Dự án Đầu tư xây dựng sân golf Uông Bí	Phường Yên Tử	142,68	54,08				38,46	10,60	5,02	
II	Xã Quảng Đức: 01 công trình, dự án		69,44	69,44	0,98			62,13	3,25	3,08	
1	Dự án Đầu tư hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Quảng Đức	Xã Quảng Đức	69,44	69,44	0,98			62,13	3,25	3,08	
IV	Phường Hoàng Quế: 02 công trình, dự án		4,77	3,99	2,49				1,20	0,30	
1	Khu tái định cư tại khu Yên Dưỡng, phường Hoàng Quế (phục vụ GPMB khu công nghiệp Đông Triều)	Phường Hoàng Quế	2,36	2,36	2,21					0,15	
2	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang nhân dân xã Hồng Thái Đông, tại khu Tân Yên, phường Hoàng Quế (phục vụ GPMB khu công nghiệp Đông Triều)	Phường Hoàng Quế	2,41	1,63	0,28				1,20	0,15	
V	Phường Cao Xanh: 01 công trình, dự án		2,51	2,51						2,51	
1	Nhà ở xã hội tại ô đất AOM-72 thuộc quy hoạch phân khu 2, phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long (nay là phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh)	Phường Cao Xanh	2,51	2,51						2,51	
VI	Xã Hải Hòa: 01 công trình, dự án		0,179	0,153				0,135		0,018	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, đặc khu)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Ghi chú
					Đất trồng lúa LUA	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng	
1	Dự án xuất tuyến 110 KV sau trạm biến áp 220KV Cộng Hòa	Xã Hải Hòa	0,179	0,153				0,135		0,018	
VII	Phường Yên Tử, Uông Bí, Vàng Danh, Hoàng Quế, Mạo Khê, An Sinh, Bình Khê: 01 công trình, dự án		3,94	3,94	0,75			0,06	2,28	0,85	
1	Dự án cải tạo đường dây 110KV Phả Lại-Tràng Bạch-Uông Bí, tỉnh Hải Dương (nay là thành phố Hải Phòng) và Quảng Ninh	Phường Yên Tử	0,42	0,42					0,36	0,06	
		Phường Uông Bí	0,38	0,38	0,04			0,03	0,27	0,04	
		Phường Vàng Danh	0,19	0,19	0,06				0,03	0,10	
		Phường Hoàng Quế	0,97	0,97	0,03			0,03	0,74	0,17	
		Phường Mạo Khê	1,19	1,19	0,44				0,40	0,35	
		Phường An Sinh	0,45	0,45	0,07				0,33	0,05	
		Phường Bình Khê	0,34	0,34	0,11				0,15	0,08	
VIII	Phường Hoàng Quế, Mạo Khê: 01 công trình, dự án		0,31	0,31	0,19				0,08	0,04	
1	Dự án cải tạo đường dây 110kV An Lạc - Tràng Bạch - Uông Bí	Phường Mạo Khê	0,24	0,24	0,13				0,07	0,04	
		Phường Hoàng Quế	0,07	0,07	0,06				0,01		
IX	Đặc khu Vân Đồn: 01 công trình, dự án		1,90	1,90						1,90	
1	Xây dựng mới chợ Cái Rồng, đặc khu Vân Đồn	Đặc khu Vân Đồn	1,90	1,90						1,90	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, đặc khu)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Ghi chú
					Đất trồng lúa LUA	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng	
XII	Phường Tuần Châu, Việt Hưng: 01 công trình, dự án		626,20	626,20				541,76		84,44	
1	Công viên công cộng Tuần Châu	Phường Tuần Châu	167,80	167,80				116,33		51,47	
		Phường Việt Hưng	458,40	458,40				425,43		32,97	
XIII	Phường Mông Dương: 01 công trình, dự án		32,4	32,4				18,3		14,1	
1	Dự án: Bãi đổ thải đất đá thải hầm lò Dự án khai thác hầm lò mỏ Khe Châm II-IV và Dự án Đầu tư xây dựng Công trình mỏ than Bắc Cọc Sáu tại phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Phường Mông Dương	32,4	32,4				18,3		14,1	
XIV	Phường Mông Dương, Cửa Ông, Cẩm Phả: 01 công trình, dự án		1.622,10	150,24				25,42	0,60	124,22	
1	Dự án Cải tạo mở rộng nâng công suất mỏ than Cao Sơn	Phường Mông Dương	982,25	138,18				25,42	0,60	112,16	
		Phường Cửa Ông	259,52	1,56						1,56	
		Phường Cẩm Phả	380,33	10,50						10,50	
XV	Phường Liên Hòa: 01 công trình, dự án		29,71	29,71	26,84				0,94	1,93	
1	Nhà ở xã hội tại phường Liên Hòa	Phường Liên Hòa	29,71	29,71	26,84				0,94	1,93	

BIỂU SỐ 02: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (ĐỢT 8) NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích rừng quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (ha)						Ghi chú
			Rừng sản xuất		Rừng phòng hộ		Ngoài quy hoạch ba loại rừng		
			Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	
I	Phường Tuần Châu, Phường Việt Hưng (01 dự án, công trình)	626,20	0,00	535,31	0,00	0,00	0,00	4,84	
1	Dự án Công viên công cộng Tuần Châu tại phường Tuần Châu và phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh	626,20		535,31				4,84	
II	Xã Đàm Hà, xã Quảng Tân (01 dự án, công trình)	170,68	0,00	159,85	0,00	0,00	0,00	0,00	
1	Dự án Chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao tại xã Quảng Tân và xã Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh	170,68		159,85					
III	Xã Đông Ngũ (01 dự án, công trình)	15,26	0,00	11,52	0,00	0,00	0,00	0,00	
1	Khu trang trại chăn nuôi heo nái công nghệ cao tại xã Đông Hải, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh	15,26		11,52					
IV	Đặc khu Vân Đồn (01 dự án, công trình)	72,65	0,00	8,25	0,00	1,32	0,00	0,00	
1	Khu du lịch sinh thái Vân Hải Xanh tại thôn Sơn Hào, đặc khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh	72,65		8,25		1,32			
Tổng cộng		884,79	0,00	714,93	0,00	1,32	0,00	4,84	

**BIỂU SỐ 03: ĐIỀU CHỈNH DIỆN TÍCH DỰ ÁN, DIỆN TÍCH THU HỒI ĐẤT ĐỐI VỚI MỘT SỐ CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÔNG QUA**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, thị trấn)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó						Ghi chú
					Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng	
1	Diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 267/NQ-HĐND ngày 28/4/2025										
	Cụm Công nghiệp Hải Yên tại phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	Phường Hải Yên	50,27	50,27	10,66			0,80	20,76	18,05	
	Diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi được điều chỉnh lại như sau:										
	Cụm Công nghiệp Hải Yên tại phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	Phường Móng Cái 3	55,90	55,58	15,11				21,65	18,82	Do điều chỉnh tăng diện tích đất đầu nối giao thông theo Quyết định số 355/QĐ-BQLKKT ngày 06/8/2025 của Ban quản lý khu kinh tế Quảng Ninh
2	Diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết 60/NQ-HĐND ngày 09/12/2021										
	Khu tái định cư tại xã Hoàng Tân, thị xã Quảng Yên	Xã Hoàng Tân	6,24	6,24	2,12				3,00	1,12	
	Diện tích dự án, diện tích các loại đất thu hồi được điều chỉnh lại như sau:										
	Khu tái định cư tại xã Hoàng Tân, thị xã Quảng Yên	Phường Hà An	6,32	6,32	2,12				2,85	1,35	Do điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết và xác định lại số liệu khi rà soát, xác định nguồn gốc đất